TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14 /2019/HNGĐ - ST
Ngày: 19/04/2019
V/v: "thay đổi trực tiếp người nuôi con sau ly hôn''

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH BÌNH

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

***Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*:** Ông Hà Minh Lực.

***Các Hội thẩm nhân dân*:** - Ông Lưu Danh Sử.

- Ông Nguyễn Văn Phiếu

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Nguyễn Văn Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hòa- Kiểm sát viên**.**

Ngày 19 tháng 04 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 258/2018/TLST- HNGĐ ngày 6 tháng 12 năm 2018, về việc " thay đổi trực tiếp người nuôi con sau ly hôn'' theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:15/2019/QĐST- HNGĐ ngày 3/4/2019, giữa các đương S:

Nguyên đơn: Anh Trương Anh T, sinh năm 1983**.**

Địa chỉ: Thôn S, xã Q, huyện N tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Vợ chồng ông Lê Văn S, bà Đặng Thị S**.**

Địa chỉ: Thôn S, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Các đương sự có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày và bản tự khai ngày 06/12/2018 cũng như biên bản hòa giải ngày 8 tháng 12 năm 2017 và tại phiên tòa, anh T trình bày**:** Anh và chị Lê Thị L kết hôn năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện N. Sau khi cưới hai vợ chồng chung sống cùng bố mẹ đẻ anh T. Quá trình chung sống đã sinh được 02 con chung là cháu Trương Thị Kiều T, sinh ngày 17/10/2012 và cháu Trương Tường L, sinh

ngày 25/6/2014. Do mâu thuẫn trong cuộc sống nên anh chị đã ly hôn và Tòa án nhân dân huyện N đã giao cho anh T nuôi cháu L còn chị L nuôi cháu T. Đến tháng 8/2018 chị L gặp tại nạn rủi ro đã chết. Sau khi chị L chết thì cháu T vẫn sống với ông bà ngoại là là ông Lê Văn S và bà Đặng Thị S đến nay. Để đảm bảo cuộc sống cho cháu T lâu dài nên anh T có nguyện vọng đón cháu T về nuôi, nhưng ông S bà S không đồng ý. Anh T đã phải nhờ đến các ban ngành trong thôn động viên, sau đó nhờ UBND xã Q hòa giải nhưng vẫn không được. Vì vậy anh T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện N giải quyết xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trương Thị Kiều T và buộc ông Lê Văn S và bà Đặng Thị S phải giao cháu T lại cho anh nuôi dưỡng.

- Về phía bị đơn bà Đặng Thị S và ông Lê Văn S tại bản tự khai ngày 12/12/2018 cũng như các biên bản hòa giải ngày 22/1/2019 và tại phiên tòa, bà S và ông S, trình bày: Vợ chồng ông bà có con gái tên là Lê Thị L. Năm 2011 chị L kết hôn với anh Trương Anh T và có 02 con chung là cháu Trương Thị Kiều T, sinh ngày 17/10/2012 và cháu Trương Tường L, sinh ngày 25/6/2014. Năm 2017, chị L và anh T ly hôn, Tòa án giao cho chị L nuôi cháu T. Khi chị L đi làm xa đã gửi cháu T cho ông bà chăm sóc để đi làm ăn. Đến tháng 8/2018, chị L bị tai nạn lao động chết. Kể từ khi chị L chết đến nay cháu T vẫn ở với ông bà, do ông bà trông nom, chăm sóc. Nay anh T đòi vợ chồng ông phải trả con nhưng ông bà không đồng ý. Chính quyền địa phương có khuyên giải nhưng vợ chồng ông vẫn không đồng ý giao cháu T cho anh T nuôi dưỡng. Ban đầu ông S và bà S đồng ý giao cháu T cho anh T nuôi dưỡng với điều kiện có S chúng kiến của các cơ quan có thẩm quyền và chính quyền địa phương. Nhưng tại lần hòa giải cuối cùng vào ngày 29/3/2019, bà S, ông S lại thay đổi quan điểm không nhất trí giao cháu T cho anh T nuôi dưỡng và chăm sóc.

Phần tranh luận: Anh T, bà S, ông S không có ý kiến tranh luận.

Tại phiên tòa**:** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo Pháp luật của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân S.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70,71, 234 BLTTDS. Bị đơn thực hiện không đầy đủ các quy định tại các Điều 70,72, 234 có mặt tại phiên tòa nhưng khi Hội đông xét xử vào nghị án thì bị đơn tự ý bỏ về .

Về đường lối, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Các Điều 68,69,70, 81, 82, 83, 84 ,85 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 46, khoản 1 điều 136 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 5, khoản 3 Điều 28, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 và danh mục án phí, lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trương Anh T.

Buộc ông Lê Văn S và bà Đặng Thị S giao cháu Trương Thị Kiều T, sinh ngày 17/10/2012 cho anh Trương Anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật**.**

2. Về án phí: Anh Trương Anh T không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm, Bà S và ông S phải nộp theo quy định của pháp luật, nhưng anh T nhận nộp toàn bộ cho ông S và bà S cần chấp nhận sự tự nguyên của anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và kết quả tranh luận tại phiên toà**,** xét thấy:

1.Về thủ tục tố tụng và quan hệ tranh chấp:

Đây là vụ án Tranh chấp về "thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn" theo khoản 3 Điều 28; các Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện N đã ra thông báo về việc thụ lý vụ án và gửi thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho các đương sự. Đến ngày ngày 12/3/2019 Tòa án nhân dân huyện N đã Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Hội đồng xét xử xác định: Tại Bản án số 27 ngày 15/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện N đã giải quyết các quan hệ về hôn nhân và gia đình giữa anh Trương Anh T và chị Lê Thị L trong đó về 2 con chung của anh T và chị L và quyết định: Anh T được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Trương Tường L, sinh ngày 25/6/2014. Chị L được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Trương Thị Kiều T, sinh ngày 17/10/2012. Đến tháng 8/2018 chị L bị tai nạn chết, anh T là bố ruột của cháu T, như vậy theo quy định tại khoản 1 Điều 136 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì anh T là đại diện theo pháp luật của cháu T, ông Lê Văn S và bà Đặng Thị S không phải là người giám hộ của cháu T theo quy định tại Điều 46 của Bộ luật dân sự 2015. Như vậy Anh T đương nhiên có quyền và nghĩa vụ trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu T theo quy định tại khoản 1 Điều 68, khoản 2, khoản 3 điều 69 Luật Hôn nhân và gia đình.

2.Về điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con:Về cuộc sống hiện tại và công việc làm của anh Trương Anh T là ổn định về nhiều mặt. Anh T có đầy đủ năng lực hành vi dân S, có nơi làm việc ổn định với mức thu nhập trung bình 5.000.000 đồng một tháng; anh cũng không thuộc trường hợp bị hạn chế quyền của bố với con chưa thành niên theo quy định tại khoản 1 Điều 85 Luật Hôn nhân và gia đình.

Từ thực tế điều kiện cuộc sống của anh T cũng như quy định của pháp luật thì anh T có đủ điều kiện để trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con là cháu L và cháu T. Vì vậy giao cháu Trương Thị Kiều T cho anh Trương Anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi là hoàn toàn phù hợp.

3. Về án phí dân S sơ thẩm: Vì yêu cầu khởi kiện của anh T được Hội đồng xét xử chấp nhận nên anh T không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Bà S và ông S phải nộp theo quy định của pháp luật. Nhưng anh T nhận nộp thay cho ông S và bà S . Đây là sự tự nguyện của anh T phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí, anh T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N được chuyển sang án phí.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 68, 69, 70, 81, 82, 83, 84 ,85 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 46, khoản 1 điều 136 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 5, khoản 3 Điều 28, các Điều 35, 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trương Anh T.

Buộc vợ chồng ông Lê Văn S và bà Đặng Thị S**,** có trách nhiệm giao lại cháu Trương Thị Kiều T, sinh ngày 17/10/2012 cho anh Trương Anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí sơ thẩm dân sự:

Chấp nhận sự tự nguyện của anh T nhận nộp thay cho bà S và ông S toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000984 ngày 6 tháng 12 năm 2018 tại Chi cục thi hành án mà anh T đã nộp được chuyển sang án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, anh T có quyền kháng cáo bản án quyền kháng trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà S và ông S có quyền kháng cáo bản án quyền kháng trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân S thì người được thi hành án dân S, người phải thi hành án dân S có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân S; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại điều 30 Luật thi hành án dân S.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Ninh Bình;*
- *VKSND huyện N;*
- *THADS huyện N;*
- *UBND xã Q*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *Lưu hồ sơ./.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Hà Minh Lực